

Bản án số: **43/2021/KDTM-ST**

Ngày: 29/9/2021

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Tiến Lợi

- Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Hùng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-KDTM ngày 17/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-KDTM ngày 25/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam; địa chỉ: Số 22 N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình L; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Đoàn Quang H; chức vụ: Chuyên viên tổ tụng - Phòng quản lý khách hàng Doanh nghiệp Miền Bắc - Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam (Văn bản ủy quyền số 17041/UQ-PVB ngày 28/9/2021). Có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Viết K**, sinh năm 1967 - là đại diện hộ kinh doanh “*Nguyễn Viết Kiều*”.

2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970 (là vợ của ông Nguyễn Viết K)

Đều cư trú tại: Đội 14, thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Viết K - là chồng của bà Nguyễn Thị M (Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020).

Ông Nguyễn Viết K có mặt khi khai mạc phiên tòa, sau đó tự ý bỏ về.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M

- Ông Hoàng Đức N và ông Chu Văn T - Đều là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn 88, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt ông Chu Văn T; vắng mặt ông Hoàng Đức N.

- Ông Trần Đình T - Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn KoCi, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Viết A, sinh năm 1990 (là con ông Kiều, bà Mến);

2. Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1996 (là con ông Kiều, bà Mến);

Đều cư trú tại: Đội 14, thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/8/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần P (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam là Ngân hàng) ký “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN và “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012 cho vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M (sau đây gọi tắt là vợ chồng ông K) vay 700.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 06 tháng; lãi suất trong hạn 17%/năm cho 01 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 01 tháng/01

lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc trả cuối kỳ. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông K 700.000.000 đồng theo “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4, diện tích 204m²; địa chỉ: Mã Sơn, thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 085027 do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp cho hộ ông Nguyễn Viết K ngày 28/12/2001. Việc thế chấp thực hiện theo “*Hợp đồng thế chấp tài sản*” số 2508/2011/HĐTC-CN.HN được công chứng tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội số 5610.2011/HĐTC ngày 24/8/2011 giữa bên thế chấp là hộ ông Nguyễn Viết K (*gồm ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T*), bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần P, Chi nhánh Hà Nội và bên vay là ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, các khoản lãi, các khoản phí và chi phí khác có liên quan của bên vay.

Sau khi vay, vợ chồng ông Kiều đã trả được 9.428.416 đồng tiền gốc và 60.797.282 đồng tiền lãi. Ngày 22/01/2015, hộ ông Nguyễn Viết K tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ. Tại “*Biên bản bàn giao tài sản thế chấp (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)*” lập hồi 10 giờ 00 ngày 22/01/2015 (sau đây gọi tắt là biên bản bàn giao tài sản) các bên cùng xác nhận: Tính đến ngày 22/01/2015, vợ chồng ông K còn nợ 690.571.584 đồng tiền gốc và 334.965.055 đồng tiền lãi; sau khi bàn giao tài sản thế chấp, Ngân hàng tự nguyện dừng tính lãi khoản nợ kể từ ngày 22/01/2015.

Ngày 09/5/2016, tài sản thế chấp nêu trên được bán với giá 221.000.000 đồng. Sau khi trừ các chi phí cho việc bán đấu giá, còn lại 208.057.500 đồng, Ngân hàng trừ vào tiền gốc vợ chồng ông K còn nợ.

Hiện vợ chồng ông K còn nợ 817.479.139 đồng (*trong đó nợ gốc 482.514.084 đồng, nợ lãi 334.965.055 đồng*). Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông K phải thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi vợ chồng ông K thi hành án xong khoản nợ gốc (sau đây gọi là giai đoạn thi hành án), vợ chồng ông K còn phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận. Đối với khoản tiền lãi 334.965.055 đồng, Ngân hàng không yêu cầu vợ

chồng ông K phải chịu lãi trong giai đoạn thi hành án. Trường hợp vợ chồng ông K không thanh toán được toàn bộ khoản nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản hợp pháp khác của vợ chồng ông K để thu hồi nợ.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T thừa nhận việc ký “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN ngày 24/8/2011, “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012, “*Hợp đồng thế chấp tài sản*” số 2508/2011/HĐTC-CN.HN ngày 24/8/2011.

Giai đoạn đầu, ông Nguyễn Viết K thừa nhận việc bàn giao tài sản thế chấp cũng như số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ tính đến ngày 22/01/2015 là 817.479.139 đồng (*trong đó nợ gốc 482.514.084 đồng, nợ lãi 334.965.055 đồng*) như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, do Ngân hàng bán tài sản thế chấp với giá quá rẻ và gia đình đã bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng, vì vậy không đồng ý với ý kiến của Ngân hàng là tiếp tục kê biên, phát mại tài sản hợp pháp khác của vợ chồng để thu hồi nợ. Về việc chịu lãi trên số tiền chưa thanh toán trong giai đoạn thi hành án, ông K chấp nhận chịu lãi trên số nợ gốc, không phải chịu lãi trên số tiền lãi.

Sau đó, ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T cho rằng Ngân hàng lập không biên bản bàn giao tài sản thế chấp để bán đấu giá trái pháp luật, vì ngày 22/01/2015 bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T không có mặt ở nhà, không ký, không viết vào biên bản. Ông Nguyễn Viết Kiên, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T yêu cầu giám định chữ ký mang tên mình trong biên bản bàn giao tài sản.

Tại bản “*Kết luận giám định*” số 149/C09-P5 ngày 30/6/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận (sau đây gọi tắt là kết luận giám định):

1. Các chữ “Nguyễn Viết K” dưới mục “**ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG**” tại trang 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Nguyễn Viết K trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Viết K dưới mục “**ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG**” tại trang 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ

ký mang tên Nguyễn Viết K trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người ký ra hay không.

3. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị M dưới mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG” tại trang 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị M trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4, M6 do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Viết T dưới mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG” tại trang 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Viết T trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M8 do cùng một người ký, viết ra.

5. Các chữ “Nguyễn Viết A” dưới mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG” tại trang 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Nguyễn Viết A trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M7 do cùng một người viết ra.

6. Chữ ký mang tên Nguyễn Viết A dưới mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG” tại trang 4 trên mẫu cần giám định ký hiệu A khác dạng so với chữ ký mang tên Nguyễn Viết A trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M7 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

Ngày 19/7/2020, ông Nguyễn Viết K có đơn khiếu nại gửi Tòa án và Hội đồng xét xử, cho rằng kết luận giám định đã kết luận các chữ Nguyễn Viết K; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị M, Nguyễn Viết A và Nguyễn Viết T trong biên bản bàn giao tài sản là do ông Nguyễn Viết Kiều, bà Nguyễn Thị Mến, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T ký và viết ra là không đúng. Mặt khác kết luận giám định kết luận không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Viết K trong biên bản bàn giao tài sản so với chữ ký mang tên Nguyễn Viết Kiều trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không là không rõ ràng, không cụ thể.

Ngày 20/7/2021, Tòa án đã có thông báo yêu cầu ông Nguyễn Viết K cung cấp các tài liệu, chứng cứ về việc bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A và anh Nguyễn Viết T đều không có mặt ở nhà, không ký vào biên bản bàn giao tài sản; đồng thời có công văn đề nghị Viện khoa học hình sự - Bộ công an giải thích rõ hơn nội dung kết luận giám định theo các nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Viết Kiều để làm căn cứ giải quyết khiếu nại.

Ngày 05/8/2021, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có công văn số 2389/C09-P5 giữ nguyên nội dung kết luận giám định và khẳng định quá trình tiến hành giám định được tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, quy trình chuyên môn nghiệp vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

Đến ngày 08/9/2021, ông Nguyễn Viết K không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu nên Tòa án đã có công văn số 145/2021/TA-CV trả lời khiếu nại của ông Nguyễn Viết K là không có căn cứ.

Ngày 27/9/2021, ông Nguyễn Viết K có đơn đề nghị Tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết về tính hợp pháp của biên bản bàn giao tài sản theo đơn tố cáo ông đã gửi ngày 08/01/2021.

Tại phiên tòa:

- Về phần thủ tục:

+ Ông Nguyễn Viết K đề nghị hoãn phiên tòa, tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do cần có thời gian để Cơ quan điều tra làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của những người đã ký xác nhận vào biên bản bàn giao tài sản và tính hợp pháp của biên bản bàn giao tài sản; đồng thời để ông có thời gian làm rõ sự mâu thuẫn, không thống nhất giữa nội dung ghi trong bản kết luận giám định và nội dung trả lời trong Công văn số 2389/C09-P5 ngày 05/8/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Nếu Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án thì ông sẽ ra về, không tham gia phiên tòa.

+ Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến: Ngày 17/6/2020 đại diện nguyên đơn nhận Thông báo nộp tạm ứng án phí; nhưng đến ngày 03/7/2020 nguyên đơn mới nộp tạm ứng án phí là đã quá thời hạn theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

+ Đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

- Về phần nội dung:

- + Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- + Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không có ý kiến gì.
- + Ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đã có văn bản đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện nên từ chối không trình bày gì với Hội đồng xét xử.
- + Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi là 817.479.139 đồng; bị đơn còn phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong nợ gốc; ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải chịu lãi đối với số tiền lãi trong giai đoạn thi hành án; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị được kê biên, phát mại tài sản hợp pháp của bị đơn để thu hồi nợ. Ông K, bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Vợ chồng ông Kiều vay vốn của Ngân hàng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh “*Nguyễn Viết K*” do ông Nguyễn Viết K là người đại diện theo pháp luật. Nay tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại. Căn cứ các điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Viết K đề nghị hoãn phiên tòa và Tạm đình chỉ giải quyết vụ án: Ông Kiều trình bày đã gửi đơn tố cáo cho Cơ quan điều tra - Công an huyện Chương Mỹ, nhưng không xuất trình được các tài liệu để chứng minh; mặt khác ông K nêu có sự mâu thuẫn, không thống nhất giữa nội dung ghi trong Bản kết luận giám định số 149/C09-P5 ngày 30/6/2021 và nội dung trả lời trong Công văn số 2389/C09-P5 ngày 05/8/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an là không chính xác. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận.

Đối với đề nghị Đình chỉ vụ án, trả lại đơn khởi kiện của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, các đương

sự đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tham gia nhiều phiên hòa giải và nhiều phiên tòa là thể hiện sự đồng ý giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Viết K cũng không đề nghị Đình chỉ vụ án, trả lại đơn khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Trước khi mở phiên tòa, ông Nguyễn Viết Kiều, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T vẫn vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Viết Kiều có mặt khi khai mạc phiên tòa, nhưng đã tự ý bỏ về khi không được Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa và Tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Viết Kiều, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T.

[2]. Về yêu cầu buộc vợ chồng ông Kiều thanh toán toàn bộ khoản nợ:

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận việc ký kết “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN ngày 24/8/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012 là đúng. Thỏa thuận của các bên về số tiền vay, lãi suất, nghĩa vụ thanh toán ghi trong “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN ngày 24/8/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại “*Biên bản bàn giao tài sản thế chấp (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)*” ngày 22/01/2015, các bên đương sự xác nhận vợ chồng ông K còn nợ 690.571.584 đồng tiền gốc và 334.965.055 đồng tiền lãi; sau khi bàn giao tài sản thế chấp, Ngân hàng dừng tính lãi khoản nợ từ ngày 22/01/2015.

Tại “*Kết luận giám định*” số 149/C09-P5 ngày 30/6/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận các chữ ký, chữ viết trong “*Biên bản bàn giao tài sản thế chấp (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)*” ngày 22/01/2015 là do ông Nguyễn Viết K, anh Nguyễn Viết A viết ra và do bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết T ký và viết ra. Ông Nguyễn Viết K bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Viết A, anh Nguyễn Viết T không thừa nhận nhưng không có tài liệu gì để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, căn cứ vào “*Kết luận giám định*” số 149/C09-P5 ngày 30/6/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an có đủ cơ sở xác định “*Biên bản bàn giao*

tài sản thế chấp (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)” ngày 22/01/2015 có giá trị pháp lý, việc hộ gia đình ông Nguyễn Viết K bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để phát mại thu hồi nợ là có thật. Việc bàn giao tài sản là phù hợp pháp luật, phù hợp với thỏa thuận của các bên theo nội dung “*Hợp đồng thế chấp tài sản*” số 2508/2011/HĐTC-CN.HN được công chứng tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội số 5610.2011/HĐTC ngày 24/8/2011. Việc Ngân hàng bán tài sản thế chấp là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Khi bán tài sản thế chấp thu được 208.057.500 đồng (sau khi đã trừ chi phí bán tài sản), Ngân hàng trừ vào tiền gốc. Như vậy, hiện vợ chồng ông Kiều còn nợ **817.479.139** đồng (*trong đó nợ gốc 482.514.084 đồng, nợ lãi 334.965.055 đồng*) như Ngân hàng trình bày là có căn cứ và ông K cũng xác nhận. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông K phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ khoản nợ nêu trên.

[3]. Về yêu cầu buộc vợ chồng ông K phải chịu lãi đối với khoản nợ trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận:

- Đối với số tiền gốc 482.514.084 đồng: Theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất cấp tín dụng và nội dung thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu lãi, lãi suất trong “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN ngày 24/8/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012 thì vợ chồng ông Kiều phải chịu lãi đối với số nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận. Tuy nhiên, do Ngân hàng đã tự nguyện dừng tính lãi khoản nợ theo thỏa thuận tại “*Biên bản bàn giao tài sản thế chấp*” ngày 22/01/2015 thì vợ chồng ông Kiều chỉ phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận, buộc vợ chồng ông Kiều phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc.

- Đối với số tiền lãi 334.965.055 đồng: Xét thấy việc Ngân hàng không yêu cầu vợ chồng ông Kiều phải chịu lãi trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền lãi

334.965.055 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có lợi cho vợ chồng ông K nên ghi nhận.

[4]. Về yêu cầu đề nghị được kê biên, phát mại tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Kiều để thu hồi nợ

Theo “*Hợp đồng thế chấp tài sản*” số 2508/2011/HĐTC-CN.HN được công chứng tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội số 5610.2011/HĐTC ngày 24/8/2011, bên thế chấp đã thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4, diện tích 204m²; địa chỉ: Mã Sơn, thôn 5, xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay. Tài sản này đã được bàn giao cho Ngân hàng và đã được bán đấu giá để thu hồi nợ, nhưng vẫn chưa đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Tại khoản 2 Điều 13 của “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN ngày 24/8/2011 đã ghi rõ: “*Ngoài tài sản bảo đảm nêu tại điều 5, Bên vay cam kết dùng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình làm tài sản bảo đảm cho nợ vay tại WTB, một khi tài sản bảo đảm nêu tại điều này không đủ để thanh toán vốn, lãi và các chi phí khác cho WTB*”. Do vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc được đề nghị kê biên, phát mại tài sản hợp pháp khác của vợ chồng ông K để thu hồi nợ trong trường hợp vợ chồng ông K không thanh toán được toàn bộ khoản nợ.

[5]. Về án phí: Vợ chồng ông K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 412, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam đối với vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi theo “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN ngày 24/8/2011, “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012 và “*Biên bản bàn giao tài sản thế chấp*” ngày 22/01/2015. Cụ thể:

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền còn nợ gồm:

- Tiền nợ gốc: 482.514.084 đồng;
- Tiền nợ lãi: 334.965.055 đồng.

Tổng cộng là **817.479.139 đồng** (*Tám trăm mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn một trăm ba mươi chín đồng*).

1.2. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc, vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M còn phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong “*Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức*” số 2508/2011/HĐHM-CN.HN ngày 24/8/2011 và “*Khế ước nhận nợ*” ngày 15/8/2012.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam không yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M phải chịu lãi trên số tiền lãi phải thi hành án là 334.965.055 đồng, kể từ sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền lãi.

1.4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.5. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M không thanh toán được toàn bộ khoản nợ nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát

mại các tài sản hợp pháp khác của vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Viết K, bà Nguyễn Thị M phải nộp 36.500.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm;

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam 18.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004887 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hưng